

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

**BẢN TIN THAN TUẦN 3 - THÁNG 12**

**(Từ 18/12 – 22/12/2017)**

1. **PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG THAN**
2. **GIÁ THAN KHU VỰC**

***Đơn vị tính: USD/tấn***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Chỉ số giá | Tuần  27/11-01/12 | Tuần  04/12-08/12 | Tuần  11/12-15/12 | Tuần  18/12-22/12 |
| PCC 6  (*CFR South China 3,800 NAR*) | **51,58** | **52,94** | **54,22** | **54,66** |
| PCC 7  (*CFR South China 4,700 NAR*) | **70,86** | **72,42** | **73,76** | **74,24** |
| PCC 8  (*CFR South China 5,500 NAR*) | **83,82** | **85,18** | **85,88** | **86,82** |
| FOB Newcastle 6,300 GAR | **94,92** | **95,5** | **101,11** | **102,65** |
| CIF ARA 6,000 NAR | **92,63** | **93,92** | **96,68** | **96,76** |
| FOB Richards Bay 5,500 NAR | **78,20** | **79,04** | **79,95** | **78,44** |
| NEWC  (FOB Newcastle 6000 NAR) | **96,24** | **96,8** | **100,71** | **104,14** |

***Biểu đồ 1: Giá than trung bình khu vực đến tuần 3 tháng 12 (2017)***

*(Nguồn: Platts Coal Trader International)*

1. **CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ**

***Đơn vị: USD/tấn***

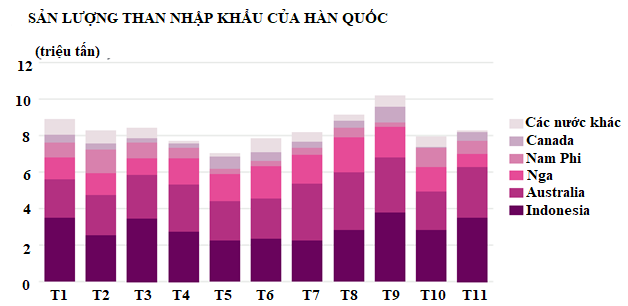
|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Cước vận tải tuần 1 tháng 12** | **18/12** | **19/12** | **20/12** | **21/12** | **22/12** |
|  | **Tàu Capesize** (150,000 tấn) | | | | | |
| 1 | Úc – Trung Quốc | 11,75 | 11,30 | 10,85 | 10,40 | 9,95 |
| 2 | Queensland – Nhật Bản | 13,30 | 12,85 | 12,40 | 11,95 | 11,50 |
| 3 | New South Wales – Hàn Quốc | 13,65 | 13,20 | 12,75 | 12,30 | 11,85 |
|  | **Tàu Panamax** (70,000 tấn) | | | | | |
| 1 | Richards Bay - Tây Ấn Độ | 12,55 | 12,55 | 12,05 | 12,05 | 12,05 |
| 2 | Kalimantan - Tây Ấn Độ | 9,25 | 9,00 | 8,95 | 8,85 | 8,85 |
| 3 | Richards Bay - Đông Ấn Độ | 12,80 | 12,80 | 12,30 | 12,30 | 12,25 |
| 4 | Kalimantan - Đông Ấn Độ | 7,75 | 7,50 | 7,50 | 7,50 | 7,50 |
| 5 | Úc - Trung Quốc | 12,00 | 11,90 | 11,60 | 11,40 | 11,30 |
| 6 | Úc - Ấn Độ | 13,70 | 13,45 | 12,75 | 12,45 | 12,45 |

*(Nguồn: Platts Coal Trader International)*

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |
|  |

1. **ĐIỂM TIN**

**Sản lượng than nhiệt nhập khẩu tháng 11 của Hàn Quốc tăng 6% so với cùng kỳ 2016**



*(Nguồn: Hải quan Hàn Quốc)*

Trong tháng 11, Hàn Quốc đã nhập khẩu 8,3 triệu tấn than nhiệt, tăng 5% so với tháng 10 và tăng 6% so với tháng 11 năm ngoái. Trong đó 7,31 triệu tấn là than bitum còn lại 991.146 tấn là than á - bitum. Indonesia lại một lần nữa là nước xuất khẩu than lớn nhất cho thị trường Hàn Quốc với 3,5 triệu tấn, tăng 24% so với tháng trước đó và 12% so với năm ngoái. Hàn Quốc nhập khẩu từ Australia 2,77 triệu tấn than, tăng 33% so với tháng trước và 41% so với năm ngoái. Nam Phi vượt qua Nga để trở thành nước lớn thứ 3 cung cấp than cho Hàn Quốc với 725.853 tấn trong tháng 11, tăng 76% so với năm ngoái nhưng giảm 29% so với tháng 10 ở mức 1,02 triệu tấn. Lượng than nhập khẩu của Hàn Quốc từ Nga ở mức 682.833 tấn trong tháng 11, giảm 50% so với tháng trước đó và 52% so với cùng kỳ năm ngoái, mức thấp nhất kể từ tháng 2 năm 2014 theo thống kê của Platts. Canada xuất khẩu 498.229 tấn sang Hàn Quốc, tăng hơn 5 lần so với tháng 10 và cùng kỳ năm ngoái. Trong khi đó, lượng than nhập khẩu từ Mỹ đạt 29.679 tấn, tháng thấp nhất kể từ tháng 6 năm nay và giảm 76% so với cùng kỳ năm ngoái.

**Trung Quốc giảm nhập khẩu than từ Australia trong tháng 11**

Theo thông tin từ phía Hải quan, Trung Quốc đã giảm nhập khẩu than từ nước cung cấp chính Australia trong tháng 11 do tình trạng tắc nghẽn nghiêm trọng tại cảng xuất. Khối lượng than Australia xuất sang Trung Quốc đã giảm 0,3% so với cùng kì năm ngoái, xuống còn 5,59 triệu tấn. Được biết, khối lượng than nhập khẩu trong tháng 10 là 5,61 triệu tấn. Hơn 300 tàu chở hàng đang chờ bên ngoài các cảng ở Trung Quốc và Australia trong hơn 1 tháng trở lại đây.

Ông Wang Fei, chuyên gia phân tích thị trường than tại Huaan Futures, cho biết: "Nhu cầu mua than chất lượng cao đang gia tăng khi các quốc gia đều áp dụng các chính sách nghiêm ngặt để hạn chế phát thải và nâng cao hiệu quả sử dụng nhiên liệu”. Hiện nay, loại than Australia chất lượng cao với đặc điểm hàm lượng lưu huỳnh ở mức thấp và giá trị nhiệt năng cao ngày càng thu hút sự quan tâm từ ngành điện và các ngành công nghiệp nặng tại Trung Quốc. Theo thông tin nhận được, Chính phủ nước này đang có kế hoạch cắt giảm lượng than tiêu thụ xuống còn 200 triệu tấn vào năm 2020 và dự kiến sẽ nhập khoảng 260 triệu tấn than vào năm 2017.

Ngoài ra trong tháng 11 vừa qua, khối lượng than Nga nhập khẩu của Trung Quốc đã tăng 10,9% so với năm ngoái lên mức 1,92 triệu tấn, nhập khẩu từ Mông Cổ giảm 17,8% xuống còn 2,76 triệu tấn. Đặc biệt, lượng than nhập khẩu từ Indonesia đã giảm 33,9% so với năm ngoái xuống còn 3,41 triệu tấn.

**Lượng than dự trữ tại các cảng biển Trung Quốc tăng 2% so với tuần trước**

Lượng than dự trữ tại các cảng biển lớn của Trung Quốc bao gồm Qinhuangdao, Caofeidian, và Jingtang đạt tổng cộng 12,9 triệu tấn theo thống kê hôm 25/12, tăng 1,6 % từ mức 12,7 triệu tấn theo thống kê hôm 18/12 – số liệu được cung cấp bởi cảng vụ Qinhuangdao. Nhu cầu về tiêu thụ than tại các NMNĐ hạ nguồn vẫn ở mức cao, khiến lượng than dự trữ tại các cảng biển phía Bắc được duy trì ổn định.

Lượng than dự trữ tại cảng Qinhuangdao ở mức 6,74 triệu tấn theo thống kê hôm 25/12 vừa qua, giảm từ mức 6,75 triệu tấn hôm 18/12. Tại cảng Caofeidian, mức dự trữ than là 2,34 triệu tấn hôm 25/12, giảm từ mức 2,35 triệu tấn hôm 18/12. Jingtang Port ở mức 3,82 triệu tấn hôm 25/12, tăng từ mức 3,60 triệu tấn hôm 18/12. Lượng than dự trữ tại cảng Huanghua của công ty Shenhua Group ở phía Bắc tỉnh Hebei của Trung Quốc, đạt mức 2,155 triệu tấn hôm theo thống kê hôm 25/12, tăng từ mức 2,08 triệu tấn hôm 18/12, theo dữ liệu từ cảng vụ Huanghua.

*(Nguồn: Platts)*